Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9006.59.90

Mã HS	9006.59.90
Mô tả hàng hóa	Máy ảnh (trừ máy quay phim); thiết bị đèn chớp và đèn flash máy ảnh trừ đèn phóng điện thuộc nhóm 85.39 / - Máy ảnh loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 03:24:40
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90065990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17971
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17971
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17971
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17274
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17203
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17203
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17203
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17203
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17203
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17203
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17259
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17259

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17259
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17259
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17259
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17259
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17260
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17260
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17260
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17260
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17260
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17260
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17265
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17221
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17217
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17217
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17217
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17217
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17217
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17217
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17263
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17263
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17263
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17263
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17263
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17263
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17325
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17325

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17325
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17325
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17325
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17325
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17301
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17301
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17301
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17301
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17301
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17301
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17296
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17296
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17296
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17296
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17296
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17296
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17326
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17326
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17326
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17326
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17326
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17326
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17325
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17325
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17325
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17325

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17325
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17325
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17419
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17419
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17419
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17419
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17419
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17419
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17419
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17288
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17288
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17288
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17288
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17288
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17288
RCEP B	2022	2022	0	B!D17288
RCEP B	2023	2023	0	B!E17288
RCEP B	2024	2024	0	B!F17288
RCEP B	2025	2025	0	B!G17288
RCEP B	2026	2026	0	B!H17288
RCEP B	2027	2027	0	B!I17288
RCEP C	2022	2022	0	C!D17286
RCEP C	2023	2023	0	C!E17286
RCEP C	2024	2024	0	C!F17286
RCEP C	2025	2025	0	C!G17286
RCEP C	2026	2026	0	C!H17286

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17286
RCEP D	2022	2022	0	D!D17285
RCEP D	2023	2023	0	D!E17285
RCEP D	2024	2024	0	D!F17285
RCEP D	2025	2025	0	D!G17285
RCEP D	2026	2026	0	D!H17285
RCEP D	2027	2027	0	D!I17285
RCEP E	2022	2022	0	E!D17289
RCEP E	2023	2023	0	E!E17289
RCEP E	2024	2024	0	E!F17289
RCEP E	2025	2025	0	E!G17289
RCEP E	2026	2026	0	E!H17289
RCEP E	2027	2027	0	E!I17289
RCEP F	2022	2022	0	F!D17288
RCEP F	2023	2023	0	F!E17288
RCEP F	2024	2024	0	F!F17288
RCEP F	2025	2025	0	F!G17288
RCEP F	2026	2026	0	F!H17288
RCEP F	2027	2027	0	F!I17288
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16213
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16213
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16213
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16213

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9006.59 có 6 dòng thuế; dòng 9006.59.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9006.59.11 Có bộ ngắm qua thấu kính (kính phản chiếu đơn (SLR)); 9006.59.19 Loại khác; 9006.59.21 Máy vẽ ảnh laser; 9006.59.29 Loại khác; 9006.59.30 Loại khác, máy vẽ ảnh laser hoặc máy tạo dựng ảnh với bộ xử lý ảnh mành	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9006.59.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9006.59.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17971), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.